

## BẢN LUẬN QUYỂN 63

Trên đây, Trùng Quyết trích thứ ba có sáu môn, đã giải thích ba môn trong quyển trước rồi.

Dưới đây là thứ tư, pháp trái của tướng định có năm, như văn.

Thứ năm, có ba xa lìa như văn.

Thứ sáu, trong phần nói về chương của định, ban đầu, nói về năm thứ. Sau nói về tám thứ.

Trong phần trước, trước là nêu chương “năng” “sở”; sau, là giải thích riêng.

Văn đầu, là dùng năm thất như niệm (quên) v.v... làm chủ thể chương (năng chương). Có năm tướng gìn giữ như dày, nặng v.v... kia, do năm thứ như niệm v.v... kia. Như thứ lớp đó, chương ngại đối với tướng gìn giữ của năm thứ v.v... này, mà trụ, gọi là lỗi của năm thứ dày, nặng.

Y cứ trong phần giải thích riêng, trước là nêu, giải thích năm lỗi, đối chiếu với định để phối hợp.

Trong phần trước nói bất tịnh có ba tướng v.v... Pháp sư Cảnh nói: “Tướng phân nhơ, nghĩa là quán khi còn trong thai, chỗ ở bất tịnh, nghĩa là nằm dưới sinh tạng, trên thực tạng. Tướng đẳng lưu kia, nghĩa là di thể của cha, mẹ là hạt giống bất tịnh, từ hạt giống mà sinh ra tướng đẳng lưu kia.

Tướng khác nhau của “năng y” (chủ thể nương tựa) “sở y” (đối tượng nương tựa): chính là ba mươi sáu vật nương giá lẫn nhau với tự thể bất tịnh.”

Pháp sư Thái nói: “Nhân sắc là tư chất (chỗ nương nhờ) phân nhơ nhớp, nên trông thấy đẳng lưu nhơ bẩn v.v.... Quán thân mình bất tịnh là chủ thể nương tựa (năng y), quán núi sông đất đai bất tịnh là đối tượng nương tựa (sở y)”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Thứ nhất, tức thể là phân nhơ nhớp. Thứ hai là phân nhơ nhớp, v.v.. tuôn chảy Thứ tư chỉ có bốn đại và sở y, năng y của tạo sắc.

Trong giải thích về thân kiến có sáu lần “lại nữa”:

**I- Do thân bị nhuộm nỗi buồn, vui, giả sử muốn trút bỏ buồn vui tiêm nhiễm, tức là trái với thân kiến mà trụ, như Quảng Luận nói: “Các loại phàm phu gặp bốn thứ được v.v... trong tám pháp thế gian thì rất vui; gặp phải bốn thứ như mất v.v... thì thành rất buồn như thứ lớp đó, sinh ái, sinh giận.**

Nói: “Luôn thường chấp mắc pháp thế gian đã nương tựa các thủ vô thường v.v...”, nghĩa là dựa vào pháp vô thường uẩn, giới, xứ để lập thân kiến, lấy các pháp vô thường, chỗ dựa của pháp đời kia, khi nhìn thấy đổi thay, hư hoại thì bị nổi lo buồn v.v... ép ngặt, khổ não.

Dưới đây, là nói về tám thứ nhân duyên ruồng bỏ đệ tử cận trụ. Luận sư Trắc nói: “Ở trước y cứ Bạc Thánh, để nói về không kham nhẫn, ở đây, y theo phàm phu để phân tích không kham nhẫn. Nay, giải thích là không đúng. Văn phán quyết như ban đầu:

Nói tám thứ: Pháp sư Thái phán quyết:

1. Đối với đệ tử, có tâm oán ghét.
2. Chỉ tự thân thọ sự cung kính, lợi dưỡng.
3. Vì chính bản thân mình không đúng pháp, nên để cho đệ tử phá giới, làm điều xấu ác.
4. Đối với các đệ tử có thọ giới tăng thượng, khi dạy bảo đệ tử không chịu siêng năng khổ nhọc.
5. Đối với giới Tăng thượng, dạy trao chiết phục không kham.
6. Đối với định.
7. Đối với Tuệ.
8. Đối với việc mở mang chúng, có nhiều loạn phiền não, không thể chịu đựng.”

Pháp sư Khuy Cơ phán quyết: “Oán ghét đệ tử, muốn tự mình thọ, 1/ Cung kính. 2/ Lợi dưỡng. 3/ Hủy giới, cần ruồng bỏ. 4/ Sự có nhiều ích thì cần, sự tổn giảm thì không cần. 5/ Giới. 6/ Định. 7/ Tuệ. 8/ Đối với đệ tử, việc của đại chúng, sự tăng, không thể kham nhẫn. Dù đại chúng thiện, nhưng vì là đệ tử, nên không kham nhẫn. 9/ Lại, giải thích đồng với Pháp sư Thái.

Từ đây trở xuống Thứ tư, lại dùng chín môn để giải thích. Trước, nêu một tụng, nêu chín môn kia. Sau, là giải thích theo thứ lớp.

Ý đáp trong giải thích về môn số ban đầu, là lập bốn tĩnh lực để vượt qua khổ, vui:

Sơ Thiên vượt qua ưu, Nhị thiên lìa khổ; Tam thiên lìa hỷ; Tứ thiên lìa lạc. Nếu không đến bốn thì lìa khổ, vui không hết. Nếu qua bốn thì vô dụng. Vì là nghĩa này, chỉ lập ở bốn không thêm, không bớt.

## **II- trong phần nói về bị đối trị, sơ định trị năm:**

1. Dục Tham, nghĩa là tham năm dục, chung cả ba cõi. Vì muốn lược qua, nên nói là dục tham.

Ba ưu khổ: Hỏi: “Sơ thiên trừ ưu khổ, vì sao hai định lại nói là trừ khổ? Vì sơ định dứt trừ tự tánh khổ và hai phược (ràng buộc), nhưng vì

khổ kia thô, nặng, tánh không kham nhận, nên đến nhị định mới dứt trừ. Nếu theo Tỳ-đàm, thì ba thức của Sơ thiền là sở y của khổ, nên y theo dứt trừ sở y mà nói là Nhị thiền dứt khổ.

2. Nói hôn hử: Ở đây có hai giải thích:

a. Tức là Hỷ tăng thượng, trước là thể, sau là dụng tăng thượng.

b. Tác ý tương ứng với Hỷ, vì chi giao động đến Hỷ, nên gọi là hôn hử.

3. Tánh thấp kém của định. Pháp sư Thái nói: “Thể của định thứ hai vì tuệ không khéo léo, bị sự thô nặng theo đuổi, nên tánh thấp kém chướng định thứ ba”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Tánh thấp kém của định, bị Hỷ này theo đuổi, nên tuệ không khéo léo. Thiền thứ hai vì trước có, nay không, nên nói trừ tánh thấp kém của định. Trong sơ thiền Nhị Thiền có Hỷ này, nên không thể nói là trừ thấp kém. Nhưng từng phần cũng được dứt trừ tánh thấp kém”.

Luận sư Trắc nói: “Do văn này mà biết được chướng của định có cả thiện.”

4. Định thứ tư đối trị hơi thở ra vào v.v... Nghĩa là định thứ tư kia, với thân nhỏ nhiệm hợp với lỗ chân lông, nên hơi thở vào ra dứt trừ.

5. Đối với niềm vui, phát ngộ. Pháp sư Cảnh nói: 1) Giải thích: Tức niềm vui, chấp cảnh phát động, nên gọi là “Phát ngộ”. 2) Giải thích: “Tác ý tương ứng với tác ý sách phát niềm vui, nên nói như thế”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “tức” tác ý “duyên” lạc. Vì niềm vui tốt độ, nên tác ý “duyên” lạc, gọi là “phát ngộ”. Tức Tạp Tâm nói: “phát ngộ đối với “duyên”. Hiền Dương nói: “Tác ý đối với lạc”.

**III- nói về phần chi.** Sắp giải thích văn, trước lập ba môn để phân biệt:

1. Nêu danh, và thể.

2. Giải thích danh.

3. Phế lập.

Trong môn nêu danh ở đầu, chi Thiền nhiều, ít, nói xứ không đồng. Nếu luận rộng thì Luận sư khác nói: “Bốn thiền, Bốn không, căn bản, cận phần đều lập chi riêng, tổng cộng có sáu mươi tám: Tĩnh lực căn bản có mười tám chi Sơ, Nhị đều năm; hai tĩnh lực sau đồng có bốn. Bốn định cận phần cũng có mười tám, về số lượng, thì đồng với căn bản, chỉ định cận phần y cứ xả thọ kia để kiến lập phần chi, gọi là đồng với định thứ tư, nên tích số chung có sáu mươi tám.

Nếu trong Đối Pháp của thân tử giải thích bốn tĩnh lực: “Hoặc định

căn bản, hoặc cận phần định, mỗi định đều có mười tám. Định Trung gian có bốn:

1) Quán. 2) Hỷ. 3) Lạc. 4) Nhất Tâm.

Bốn định Vô Sắc không lập phần chi. Hai bộ Thượng tọa, Chánh lượng đều lập mười một chi.

Sơ định có năm, tên gọi đồng với luận này. Nhị định có ba, trừ Tâm, Từ Tam định có hai: 1) Lạc. 2) Định. Tứ định có một, tức là chi nhất tâm, nên có mười một.

Kinh Đại Tập nói mười bảy chi. Kinh Bản Nghiệp nói: “có ba mươi tám chi: Bốn thiên có mười tám, đồng với giải thích của luận này. Trong bốn Vô Sắc đều có năm chi:

1) Tưởng. 2) Đạm. 3) niệm. 4) Chỉ quán. 5) Nhất tâm.

Căn xả trong đây gọi là đạm. Tuệ gọi là chỉ, quán. Dựa vào “chỉ” phát tuệ. Y cứ chung tự thể và định sở y, tạo ra tên chi, nên có ba mươi tám chi. Luận Tát-bà-đa nói chỉ có mười tám. Sơ, nhị đồng có năm, hai tính lự sau đều có bốn, hợp theo số của luận này đồng với Tát-bà-đa; Danh đã mười tám, thể có mấy thứ? Nếu theo Tát-bà-đa, thì mười một, nghĩa là Sơ thiên có năm chi, danh năm, thể cũng năm. Nhị thiên thêm nội tịnh. Tịnh là tín thành sáu. Ba thiên thêm bốn. Niệm, xả, chánh trí và lạc, cộng với trước thành mười.

Trong định thứ tư thêm bất khổ, bất lạc, đây là mười một. Nếu khắc tánh luận thì chỉ có chín pháp, vì Hỷ, lạc, xả đồng là thọ, nên tâm, từ là hai pháp ngoài địa làm thể. Sơ, định nhị định có hỷ. Tam định có lạc; bất khổ, bất lạc trong đệ tứ định, đều là chung cho số thọ của địa làm thể. Lạc của Sơ, định nhị định, tức dùng số khinh an của địa thiện làm thể. Nội đẳng tịnh là số tín trong địa thiện làm thể, nhưng Tạp Tâm nói dùng niệm, chánh trí, xả làm thể, là nghĩa không đúng của Tát-bà-đa.

Xả trong tam định tứ định cũng cũng là số xả của địa thiện làm thể. Niệm, định và chánh trí cũng chung cho ba số trong địa làm thể.

Trong chín định này, bốn là chung cho địa, nghĩa là niệm, định, tuệ và thọ. Ba là địa thiện: khinh an, xả, tín, hai là ngoài địa, cái gọi là Tâm, từ.

Nay, theo Đại thừa, danh có mười tám; thể có mười thứ: sơ định, danh có năm, thể chỉ có bốn, Hỷ, lạc có một. Trong định thứ hai thêm nội đẳng tịnh là năm.

Trong định thứ ba thêm bốn: Niệm, Xả, chánh trí, lạc. Trong định thứ tư thêm bất khổ, bất lạc.

Với mười pháp như thế, theo khắc tánh, chỉ có bảy, vì Hỷ, lạc, xả đồng là thọ. Nội đẳng tịnh kia không có pháp riêng, tức là Niệm, Chánh trí, xả dùng làm thể. Chỉ Đối Pháp nói nội đẳng tịnh làm tìn, là môn tùy chuyển lý, thể tức là tâm, Từ của sơ định là hai. Hỷ, lạc, xả trong bốn định đều là Thọ, đủ với khác trước là ba. Nhất tâm của bốn địa, tổng là thể của định, cộng với trước thành bốn.

Trong định thứ ba thêm chánh trí, đây là thứ năm, trong địa thứ ba, thứ tư thêm niệm và xả, cộng với trước là bảy.

Bảy thứ này từ địa vị nào mà có? Hai pháp Tâm, từ là trong bất định mà có. Thọ là trong biến hành mà có. Ba thứ: Niệm, định chánh, trí trong Biệt cảnh mà có. Xả từ trong địa vị thiện mà đến”

Hỏi: “Định Sơ Nhị, Hỷ, lạc đồng thể, sao lại chia làm hai?”

Giải thích: “Hai thứ Hỷ, lạc này là nói nghĩa của một thể, nếu khiến ý thức ở bên cạnh tâm vui vẻ vừa ý, gọi là Hỷ. Nếu để cho Lại-da và thân sắc bên cạnh vừa ý vui vẻ, gọi là lạc. Đây là theo văn của Đối Pháp. Nếu dựa vào lời nói thẳng của Du-già: khiến Lại-da sở y vừa ý, vui vẻ. Gọi là lạc. Lại-da dù biết là Xả thọ. Nhưng ở chốn khổ địa ngục v.v... cũng khiến Lại-da sở y không thường yên ổn, vừa ý. Nếu ở chỗ vui của người, trời, thì sẽ làm cho Lại-da vui vẻ, vừa ý, yên ổn.

Trong định Sơ, Nhị dù nói Hỷ, lạc, chỉ tánh Hỷ thọ do nói môn công đức và phiền não, tương ứng với thọ, chỉ nói định Sơ, Nhị tương ứng với căn, không nói tương ứng với lạc.

Kế là giải thích danh từ chi Tĩnh lự:

Vì tâm vắng lặng việc lo nghĩ, nên gọi là tĩnh lự, chi là nghĩa phần, nghĩa thuận theo nhau, cũng là nghĩa nhân, gọi là chi tĩnh lự. Tát-bà-đa nói: “Định là chi Tĩnh lự, pháp khác là chi Tĩnh lự bao gồm chẳng phải tĩnh lự.”

Về nghĩa như thật: như bốn chi (cánh) quân, vì mỗi chi đều đối trị, nên ba thứ xả, niệm, chánh trí, đều dựa vào địa vị định, vị tịnh các chương. Danh khác rất dễ hiểu.

**I. Dưới đây sẽ nói về phế lập.** Đại khái có bảy lớp: ban đầu, y theo bách pháp để nói về phế và lập:

Vì sao Sắc pháp và Bất tương ứng pháp không lập chi thiền?”

Đáp: “Vì nghĩa thuận theo là nghĩa chi thiền. Vì không thuận theo nên không lập là chi. Lại tương ứng duyên cảnh, có nghĩa thế dụng, tức là lập chi thiền. Với pháp bất tương ứng vì không như thế, nên không lập chi.”

Hỏi: “Nếu tương ứng “duyên” cảnh, có thế dụng kia, nên lập chi

thiền, thì vì sao Tâm vương không lập chi thiền?”

Đáp: “Vì không thuận theo, nên Đức Phật không lập là chi.”

Hỏi: “Vì nghĩa gì mà không thuận theo?”

Đáp: Vì cùng muốn đối trị chướng, nên lập ra chi thiền. Trong chướng, đối tượng trị chỉ là tâm sở. Chi thiền, là chủ thể trị không lập tâm vương. Lại nữa chi thiền là pháp xuất thế. Tâm vương chung làm chỗ nương tựa cho hữu lậu, vì không thuận với pháp xuất thế, nên không kiến lập chi.”

Hỏi: “Trong các tâm sở, biến hành có năm, Biệt cảnh có năm; trong thiện có mười một, trong bất định có hai, cái gọi là Tâm, Từ. Với hai mươi ba số như thế, y cứ bên nghĩa thiện, đều thuận với pháp xuất thế, vì sao chỉ lập có bảy pháp làm chi ư?”

Đáp: “Thuận theo là nghĩa chi, vì là không thuận theo chi, nên không lập chi Thiền.”

Hỏi: “Vì sao vô vi không lập chi Thiền?”

Đáp: “Chi là hành hữu vi, vì vô vi chẳng phải hành, nên không lập chi.”

## ***II. Y cứ trực tiếp bảy pháp để phế lập.***

Hỏi: “Trong bảy pháp, thêm số định kia, chung cho địa Tứ thiền đều được kiến lập nhất tâm, cho nên không có trở ngại. “Thọ” chung cho cả bốn địa, được lập Hỷ, Lạc, bất khổ, bất lạc, cũng không có ngăn ngại. Tâm, Từ chỉ đến sơ định, Địa trên không lập, cũng không có trở ngại, như ba thứ niệm, xả, tuệ, các địa đều có, vì sao sơ định không được lập là chi?”

Đáp: “Ba niệm, xả, tuệ của sơ định đã do tâm từ kia gây phiền nhiễu, vì không được sáng tỏ, nên không lập là chi. Cho nên Luận dưới đây nói: “Do môn Tâm, Từ đã dẫn phát, dù có mà không nói. Tĩnh lự thứ hai dù lìa tâm từ, vẫn còn có Hỷ kia bị triền tùy phiền não ràng buộc. Cho nên lập chung ba niệm, xả, tuệ làm nội đẳng tịnh. Vì ba thứ định đã lìa Tâm, Từ và hỷ, nên đều lập niệm, xả và chánh trí.”

Hỏi: “Vì sao ba định đều lập Trí làm chi, còn bốn định lại không lập?”

Đáp: “Tự địa của ba định có niềm vui hơn hết ở trong sinh tử. Vì e lui mất, nên kiến lập chánh trí để ngăn ngừa, gìn giữ; còn bốn định chỉ có Địa người khác lưu nạn, không có nạn của địa mình. Vì cho nên không lập chánh trí làm chi. Lại, chánh trí như minh; xả thọ như vô minh. Vì minh, vô minh trái nhau, nên không lập là chi.”

## ***III. Y theo bốn định lập chi nhiều, ít để nói về phế lập.*** Như Bà-

Sa quyển tám mươi nói:

Hỏi: “Vì sao sơ và định thứ ba đều lập năm chi? Định thứ hai, thứ tư đều lập bốn chi ư?”

Đáp: “Vì các điều ác của cõi Dục không dễ gì dứt trừ, khó phá, khó có thể vượt qua, nên sơ định lập năm chi làm đối trị vững chắc, mạnh mẽ. Lớp địa cực hỷ của định thứ hai vì khó phá, khó có thể vượt qua, nên định thứ ba kiến lập năm chi làm đối trị mạnh mẽ. Vì sơ địa và định thứ ba đều không có pháp khó dứt trừ v.v... như thế, nên Nhị Định và Tứ định chỉ lập bốn chi.

Lại nữa, vì đối trị tham cảnh năm dục tăng thượng của cõi Dục và vì trị ái của năm bộ Trùng địa của định thứ hai, nên Sơ định Tam định đều có năm chi. Lại nữa, vì muốn thuận theo vượt qua pháp định. Nghĩa ấy thế nào? Như từ sơ định vượt lên nhập định thứ ba. Từ định thứ năm nhập định thứ năm. Từ thiền thứ hai siêu việt nhập thứ tư. Từ thiền thứ tư nhập thứ tư. Thế nên, sơ thiền, tam thiền lập năm chi, trong hai, bốn thiền lập bốn chi.

Hỏi: “Nếu vậy, như từ Tam thiền vượt lên nhập Không xứ, Không xứ lẽ ra cũng có lập năm chi. Từ thiền thứ tư vượt lên nhập thức xứ, Thức xứ đáng lẽ cũng có lập bốn chi?”

Đáp: “Vì Sơ thiền vượt lên khó, nên từ năm thiền nhập năm, từ bốn thiền nhập bốn. Sau khi hoàn thành thì dễ, không có phát cũng nhập, như lúc chế tạo vàng, cần phải dùng nhiều phương tiện mới hoàn thành được, như tự nghĩ rằng: “Ta đã chế tạo vàng hoàn tất, từ đây về sau, nếu biến hóa ra cả núi vàng, cũng không cần nhiều công sức”. Việc nhập các thiền ở đây cũng giống như thế.”

**IV. Y theo tam định để phế lập.** Ngài Tam tạng nói: “Trừ vị định, trong hai định còn lại đều kiến lập đủ chi. Nếu trong định tịnh hữu lậu, hai thứ Tầm, Từ đều cùng có với tu tuệ, tùy theo lý công đức nào được có Tầm, Từ ở phương tiện trước. Nếu đến định căn bản, thì sẽ không có Tầm, Từ. Nếu ở trong tám chánh đạo hữu lậu thì sẽ lập thể của Tầm làm chánh tư duy.

Theo trong Tám chánh chi vô lậu, nếu hậu trí có chung thì đối với Tầm, thường lập chánh tư duy, vì khởi ngôn thuyết, nên trí vô phân biệt đồng thời với Tám chánh. Y theo nghĩa thể của một tuệ, nói là hai. Vì lìa tà kiến, nên gọi là chánh kiến. Vì lìa tư duy nên gọi là chánh tư duy. Làm sao biết được trí Hậu đắc khởi ngôn thuyết tương ưng với Tầm? Kinh Thập Địa chép: “Người giác ngộ tịnh nào ở trong định nhiệm?” Câu-xá Quyển hai mươi tám chép:



1- Định niêm không có ly sinh hỷ lạc, vì chẳng phải do lìa phiền não mà được sinh.

2- Trong niêm không có Nội đẳng tịnh, vì người kia đã bị phiền não làm vẩn đục.

3- Không có trí chánh niêm trong niêm, người kia vì bị niêm vui vượt hơn làm mê mờ, tán loạn.

4- Trong niêm không có Xả niêm tịnh, vì người kia bị phiền não làm niêm ô. Việc này cũng có thể đúng.

5- Các biên Vô Sắc phước lập. Hỏi: “Vì sao các biên Vô Sắc không lập chi?”

Đáp: “Thiền thuộc về chi là đạo lạc của chi thiền đó. Vì các biên Vô Sắc là đạo khổ, nên không lập là chi. Luận Tiểu thừa nói: “Vì chi thiền khó được, nên phải biết là nói khổ.”

Lại giải thích: “Vì chỉ dựa vào định căn bản, tuệ đồng đều, nên luận Đối Pháp nói: “Trong các Vô Sắc không lập chi, vì tánh một vị của Xa-ma-tha này.”

6- Đối trị lợi ích. Hai định, tuệ kia dựa vào ba thứ để phá bỏ kiến lập.

Hỏi: Vì sao Tâm, Từ của Sơ Thiền bị đối trị? Hỷ, lạc được lợi ích? Ba thiền tức lập tịnh niêm, hành xả làm đối trị, không khổ, không vui làm lợi ích v.v..., đồng là địa thiền. Vì sao đối trị, lợi ích nhiều ít không đồng ư?”

Đáp: “Sơ thiền đối trị cả cõi Dục, vì cõi Dục chẳng phải pháp tối đa, nên cần hai pháp Tâm, từ làm đối trị. Vì mới lìa tán loạn, nên lập hai thứ Hỷ, lạc làm lợi ích. Vì lỗi của Sơ thiền ít, nên trong Nhị thiền lập một pháp nội đẳng tịnh làm đối trị. Vì mới lìa phiền não của địa định, nên lập hai thứ hỷ, lạc làm lợi ích. Trong thiền thứ ba vì có các thứ lưu nạn của địa mình, nên lập ba đối trị. Vì ngăn ngừa Hỷ của địa dưới, nên lập Niêm, hành, xả, vì đề phòng niêm vui của địa mình, nên lập chánh trí. Vì niêm vui hơn hết này trong sinh tử, nên lập một chi lạc làm lợi ích. Du-già có thuyết nói: “Niêm, Xả, Chánh trí chỉ ngăn ngừa hỷ của địc dưới. Trong thiền thứ tư chỉ có để lại nạn của địa người khác, nghĩa là vì niêm vui của thiền thứ ba, nên lập niêm xả làm đối trị.

Đã lìa pháp đối thay khổ, vui rất ráo, cho nên, chỉ lập không khổ, không vui để làm lợi lạc.

7- Đối với phẩm đạo của chi thiền, để nói về sự thông bát, phước lập. Như thế, tướng của hai pháp này lưu truyền nhập cho đồng khác, cho nên, đối với trong luận, trước quyết định bốn trường hợp rộng, hẹp của



hai pháp. Sau y theo bốn trường hợp đó để nói về phệ lập.

Danh của chi thiền có mười tám, thể có mười, nghĩa là Tâm, từ, hỷ, Lạc, nhất tâm, nội đẳng tịnh, niệm xả, chánh tri, bất khổ, bất lạc.

Phẩm Đạo, về Danh có ba mươi bảy, thể chỉ có mười là: Tín, tấn, niệm, định, tuệ, hỷ, an, xả, tư, giới. Trong đó hoặc có chi thiền chẳng phải chi đạo, có ba pháp của chi thiền đó, nghĩa là từ với lạc và không khổ vui. Hoặc có chi đạo chẳng phải chi thiền, có bốn pháp, nghĩa là Tín, tinh tấn, khinh an và giới. Vừa là chi thiền, vừa là chi đạo, có sáu pháp nghĩa là Tâm, hỷ, nhất tâm, niệm, xả và chánh tri. “Câu phi” trừ thuyết trên. Đã biết bốn trường hợp là chẳng đúng. Dưới đây sẽ nói về phệ lập.”

Hỏi: Từ, vui và không khổ, không vui, vì sao chỉ lập được chi thiền, không lập chi đạo ư?”

Giải thích: “Chánh kiến là thể của chi đạo. Thuận theo đạo ấy tức lập chi đạo. Ba thứ như từ v.v... kia vì không thuận theo đạo, nên không lập chi đạo.

“Có gì không thuận?”

Giải thích: “Từ bị thế của Tâm che giấu. Lạc bị khinh an che giấu; không khổ, không vui bị hành khổ che giấu, nên được lập chi thiền, không lập chi đạo.”

Hỏi: “Vì sao bốn pháp Tín, Tấn, Khinh an, và v.v... Giới không lập chi thiền?”

Đáp: “Chi thiền y theo pháp đã nhập. Vì Tín là pháp mới nhập môn phương tiện đầu tiên, nên tín ở phẩm đạo, không lập chi thiền. Chi thiền thuận với trụ, tinh tấn vì phát huy sức cố gắng, nên không thuận với trụ, thành thử ở phẩm đạo, không ở chi thiền. Lại, chi thiền là đạo của niềm vui, còn tinh tấn là sức cố gắng, cần cù, khổ nhọc mà chẳng phải niềm vui, nên ở phẩm đạo, không thuận với chi thiền. Khinh an ở phẩm Đạo, do lìa ác, nên thân, tâm thôi dứt, thành thử ra khinh an. Thiền có thọ. Lạc che giấu khinh an kia, nên không lập khinh an.”

Hỏi: Vì sao giới ở phẩm đạo mà không lập chi thiền?”

Giải thích: “Vì tương ứng “duyên” cảnh có nghĩa thế dụng, nên lập chi thiền, chỉ vì giới là bánh xe đạo trong tám chánh đạo làm xác xuất nên lập chi đạo.”

Kế là dưới đây là tùy văn giải thích:

Nói: “Nội đẳng tịnh, niệm, chánh tri, xả làm tự tánh.” Nghĩa là niệm, chánh tri và xả ở Nhị Định không “duyên” cảnh ngoài. Lìa chìm, nổi trong môn nội, ba pháp bình đẳng, khiến tâm thanh tịnh, gọi là nội

đẳng tịnh.”

**V. Tĩnh lực, xả niệm, đều nói là thanh tịnh:** Do lìa Tâm, Từ, bốn Thọ và phiền não trên tám hơi thở ra vào, nên gọi là thanh tịnh.

Nói Tĩnh lực thứ hai, do tự tánh kia có thể có tác nghiệp, nghĩa là có xả niệm, chánh tri trong định thứ hai, đối trừ Tâm, Từ, thật sự có tác nghiệp. Nhưng do tâm phần khởi của đương địa bị Tùy phiền não nhiễu loạn, nên lập chung danh từ Nội đẳng tịnh.

Vì tĩnh lực thứ ba đã xa lìa, nên làm sáng tỏ tự tánh kia, nghĩa là định thứ ba lìa hỷ tương ứng tùy phiền não, làm rạn rỡ ba thứ niệm, tuệ, xả kia, có tự tánh của chúng.

Thứ tư, là nói về kiến lập. Trước là hỏi, ý hỏi là: “Đối với bốn tĩnh lực, kiến lập bốn chi, năm chi như thế là có ý gì?”

Ý nói trong mỗi định, vì muốn kiến lập lợi ích của pháp đối trị. Hai tĩnh lực kia dựa vào ba thứ, vì nghĩa của ba thứ, cho nên lập bốn chi, năm chi. Trong văn này, có sáu lần “lại nữa”:

1/ Lần “Lại nữa” thứ nhất rằng: “Trụ sở y v.v... (đối tượng nương tựa): Tức là đối trị lợi ích, yên vui mà luận Thập Địa đã nói.

Trụ, nghĩa là dùng định trụ một cảnh, nên gọi là Trụ. Do chi đối trị có thể dứt trừ chướng định, để cho định sinh khởi, làm chỗ nương tựa cho định, nên gọi là lợi ích, chỗ nương tựa của trụ: Là chi lợi ích. Bên trong có Hỷ, Lạc nhập định viên mãn, gọi là nhiều ích.

Tự tánh là thể của định kia, tức là hai hỷ, lạc kia nương tựa tam-muội.

2/ Lần “Lại nữa”, thứ hai: “Đối tượng duyên của tư duy, nghĩa là quán chướng bị đối trị mà sinh tưởng nhầm, lìa là chi đối trị.

Đối tượng duyên của thọ dụng: Hỷ, Lạc đối với duyên mà có thọ dụng, là chi lợi ích. Đối với duyên không phân tán, là chi nhất tâm.

3/ Lần “Lại nữa” thứ ba, rằng: “Đối tượng nương tựa của nhiều ích, nghĩa là do đối trị chướng làm đối tượng nương tựa nên lợi ích cho định.

Đối tượng nương tựa của tâm tăng thượng, nghĩa là Hỷ, lạc v.v... làm chỗ dựa cho định tăng thượng.

Chỗ nương tựa của Tuệ tăng thượng: Định là sở y của tuệ, đây tức là trước làm chỗ nương tựa cho sau.

4/ Lần “Lại nữa” thứ tư, vì trị có ba tạp nhiễm, nên trụ bị đối trị:

a- Nhiễm ô trụ, nghĩa là chi đối trị đã trừ.

b- Khổ não trụ: Chi lợi ích đã trừ.

c- Ngu si trụ, nghĩa là do định phát tuệ, dứt trừ ngu si kia.

5/ Lần “Lại nữa” thứ năm, y cứ thí dụ để nói.

Chân chính câu của: Thí dụ chi đối trị, thọ dụng chính đáng, thí dụ chi lợi ích. Đối với tự tại kia, thì dụ chi nhất tâm.

6/ Lần “Lại nữa” thứ sáu, vì trị tự khổ hạnh, để kiến lập chi Tĩnh lực, nghĩa là phiền não khổ hạnh, có thể làm cho Thánh đạo bị thiếu, kém, gọi là phiền não này là đối trị thiếu kém. Tầm, Từ có thể chữa trị phiền não này, nên gọi là đối trị thiếu kém.

Hỷ, Lạc là đối trị bức não của thân, tâm. Mốt tánh cảnh của tâm là đối trị sự trôi chảy tản mát của ngoại cảnh.”

**VI. Trong giải thích xa lìa, trước là hỏi:**

“Vì sao trong kinh nói Sơ thiền kia đã lìa dục rồi, còn nói là xa lìa pháp ác bất thiện?”

Trong phần đáp, có năm lần “Lại nữa”;

1- “Lại nữa” Lìa tự tướng của năm Dục, gọi là lìa dục. Lìa hành động ác, gọi là lìa bất thiện.

2- Dứt trừ dục phiền não, là dứt trừ nhiễm của nghiệp trước để phân biệt có hai.

3- Dứt trừ dục sự thọ dụng của tại gia kia và dứt trừ ba Tầm, Từ ác của xuất gia, để chia làm hai.

4- Dứt trừ Tầm, từ cõi Dục, dưới Tầm, Từ tư để phân biệt làm hai.

5- Trong “Lại nữa” thứ năm, Pháp sư Cảnh nói: “Cũng đồng với ngoại đạo nói là lìa thối lui kia xong, vận dụng chú nguyện, nguyện rửa v.v..., gọi là lìa ác bất thiện.”

Pháp sư Thái nói: “Trước là ngoại đạo có thể lìa dục được tướng năm thân thông và vì bày tỏ hành động thối lui kia rồi, chú nguyện, nguyện rửa v.v..., gọi là lìa pháp ác bất thiện.

**VII. Giải thích về môn khổ kia, trước là hỏi:**

“Về mặt đạo lý, khổ ưu chỉ ở Sơ thiền cõi Dục đã dứt trừ, làm sao biết được Sơ thiền có khổ, Nhị thiền mới dứt trừ?”

Dưới đây, trong văn đáp: Pháp sư Cảnh nói: “Dù khổ thọ không còn có nổi khổ thô nặng, thô nặng tức là tánh không điều hòa nhu thuận, tánh không yên ổn của khổ căn, Nhị thiền mới dứt trừ. Như mục nhọt sưng lên chín muồi, dù nặn hết máu mủ, nhưng trong thân người kia vẫn còn có tánh không yên ổn, điều hòa, nhu thuận, gọi là thô nặng. Kế là vẫn nặn ngược lại:

Nếu khổ căn ở Sơ thiền đã dứt trừ, thì tương ứng với Nhị thiền sẽ không khác nhau? “Cho nên, trở xuống” là kết. Pháp sư Thái nói: “Vì

hỷ trong sơ định chưa mãn, nên hạt giống của khổ căn vẫn còn. Các hạt giống trong định khác với tánh không điều hòa nhu thuận, gọi là thô nặng của phẩm kia, là khổ căn đã dẫn phát tánh thô nặng chưa diệt, nên Sơ Thiền không nói là khổ căn đã dứt trừ. Khi nhập định thứ hai, vì hỷ đầy đủ, nên tất cả hạt giống của Hỷ căn đều vừa ý, vui vẻ. Vì khổ căn đã không có dẫn sinh tánh không điều hòa nhu thuận, nên nói “hai định diệt khổ căn”. Nếu y theo hạt giống của khổ căn, thì cho đến vô học cũng không dứt được tính thô nặng của gốc khổ kia. Cũng như bỏ tằm sứt vào lửa, sẽ trở thành màu đỏ, đồng thời màu đen biến mất. Nỗi khổ thô nặng kia cũng thế. Lúc nhập hai định, diệt Hỷ thành tựu thêm. Khi xuất hai định, nhập Sơ định, lại sinh thành tựu, Hỷ diệt. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Người chưa lia tánh thô nặng, tức là tùy theo đối tượng nương tựa, không có tánh chịu đựng, chỉ vì ở Sơ thiền, ba thức vẫn còn có Hỷ chưa mãn, tính thô nặng chưa hết, vì ba thức, gốc khổ theo nhau, nên Hỷ chính là trái với gốc khổ. Dứt trừ ở đây có nghĩa là dứt trừ tánh nương tựa của tánh thô nặng trên gốc khổ v.v..., chứ chẳng phải cho rằng dứt trừ hạt giống gốc khổ và tương ứng với thức trước đã dứt. Nếu là hạt giống bất thiện, thì có thể nói là Sơ thiền đã dứt trừ, vì đều cùng có với thức. Nếu là thiện, vô ký thì La-hán vẫn còn khởi. Nếu là hữu lậu thì Nhị thiền hàng phục khổ thô nặng, vì hỷ hữu lậu. Nếu là vô lậu thì Nhị thiền dứt trừ khổ thô nặng, vì Hỷ vô lậu, chứ chẳng phải bực bất thối v.v... có nhập Sơ thiền, thô nặng này mà sinh.”

**VIII. Giải thích môn tán động.** Pháp sư Cảnh nói: “Đại ý văn luận này nói là Tầm, từ thì ở trong địa căn bản, nên luận đặt câu hỏi rằng: “Nếu Tầm, Từ đều ở trong sơ tĩnh lự v.v... thì đều có thể nhiếp ích Tam-ma-địa vượt hơn. Lại, có thể nhiếp thọ tĩnh lự của địa mình, đều khiến cho được thanh tịnh, vì sao Đức Thế Tôn lại nói là động? Nhưng theo tương truyền của phương Tây, thì chỉ ở trong địa phương tiện mới có Tầm, Từ.

**IX. Giải thích chi trên:** đại ý hỏi: “vì sao bốn chi của Nhị thiền vượt hơn năm chi của Sơ thiền? cho đến bốn chi của thiền thứ tư lại vượt hơn năm chi của thiền thứ ba ư?”

Đáp: “Có ba lý do:

1- Đối tượng trị (sở trị), chủ thể trị (năng trị). Tầm, Từ của Sơ thiền là “năng trị”; dục ác là “sở trị”. Nội đẳng tịnh trong định thứ hai là chủ thể trị; Tầm, Từ là đối tượng trị. Trong định thứ ba, dùng Xả, Niệm chánh tri làm “năng trị”; Hỷ là “sở trị” v.v..., nên biết sự vượt hơn nói trên.

Tâm, Từ của Sơ thiền là đối trị, đối với đệ Nhị thiền là đối tượng trị, cho đến niềm vui của ba thiền là lợi ích, đối với thiền thứ tư là sở trị. Do đó nên biết thiền trên thì hơn, thiền dưới thì kém.

Sự thắng lợi của chứng đắc: Về lợi ích của các địa cũng trên hơn, dưới kém. Về sở chứng đắc là nói về thể của nhất tâm cũng địa dưới kém, địa trên hơn.

Nói tùy thích ứng thuộc về năm chi. Nghĩa là vì nêu đa số kèm thiếu số, nên chỉ nói năm chi.

**X. Trong giải thích môn sai khác**, nói là thể của định thứ hai viên mãn hơn sơ định. Định thứ ba thì y cứ vào chỉ lợi ích viên mãn hơn định thứ hai. Định thứ tư thì y theo lìa nhiễm được thanh tịnh, nên vượt hơn định thứ ba.

Trên đây, trong chánh quyết trạch tam Ma Hê Đa Địa có năm đoạn lớn. Bốn đoạn trước đã nói xong.

Dưới đây là thứ năm, dùng sáu môn để quyết trạch, lẫn lộn trở lại, ban đầu, nói về bốn thứ tu định. Trước nêu số, bày danh. Sau, y theo người để kiến lập, trong đó:

1- Nói dựa vào bốn người để lập bốn tu định. Sau, theo vấn nạn để nói lại. Pháp sư Cảnh nói: “Bốn tu định này, các luận đều nói. Nhưng nói về đối tượng tu chẳng phải không có đôi chút khác nhau. Nay, trong văn này lại nêu bốn hạng người tu hành với bốn pháp khác nhau. Ngoài ra, văn khác không có, chỉ Du-già có.

Nỗi khổ ban đầu là thần thông nhanh chóng đã kiến đế, nghĩa là người căn cơ nhạy bén lại không mong cầu căn vượt hơn, chỉ chưa được hiện lạc căn bản, dựa vào thiền vị lai được Sơ Nhị rất ráo, chỉ cầu hiện lạc của thiền căn bản mà tu tập định. Nếu người căn chậm lụt tham cầu của căn vượt hơn, do không có cầu niềm vui hiện pháp căn bản kia, cho nên không nói.

2- Phàm phu chưa được dấu vết công hạnh, đã được duyên vô lượng hữu tình, người đã lìa dục, người này dù rằng có thể mong cầu niềm vui hiện pháp, mà vẫn ưa cầu nơi sinh trong vị lai; nên tu thiên nhân thấy được việc ở vị lai, vì thế, nên nói riêng.

3- Người ưa thần thông chậm chạp, đã được hành tích, đã kiến đế,

La-hán căn chậm lụt, mọi công việc đã mãn, chỉ vì mong cầu chuyển căn, nên tu tuệ phân biệt thứ ba, tức là chứng văn, tư tu thế gian.

4- Người ưa thần thông nhanh chóng, đã được thành tích công hạnh,

đã kiến đế. Người Na-hàm căn nhạy bén, đã được bốn căn bản, lại không có công việc làm, chỉ mong cầu quả La-hán dứt sinh lậu.

Dưới đây, tùy theo vấn nạn, mà nói lại: trong bốn người, người trước và sau, dễ hiểu; hai người giữa, luận gia đưa ra một vài vấn nạn, cần nói lại:

Trong đây, “cho đến trí kiến thanh tịnh”, đây là người phàm phu đã hàng phục “tu hoặc” cõi Dục, được niềm vui hiện pháp, của căn bản thiện; tu bốn vô lượng; tu sinh tử trí thông, quán sát khắp vị lai.

Nói “Nếu đã chứng được thân thông của trí sinh tử” thì đây gọi là trí kiến.

Nói “Nếu người ưa thân thông chậm chạp, thì chuyển thành tích, cho đến sẽ khởi chánh trí, Pháp sư Cảnh nói: “Đây là nói về La-hán muốn cầu chuyển căn, tu định của tuệ phân biệt, bấy giờ, thọ, tưởng, của Tâm, từ khởi lên ái kiến ái kiến là gốc, phát nghiệp chiêu cảm sự sinh, tức quán khổ, tập. Muốn cầu ra khỏi, tức quán ở Diệt. Như thế, thường thường, khởi văn, Tư, tu, tu phân biệt tuệ, chuyển được căn cơ nhạy bén, thường quán bốn đế, tu phân biệt tuệ, trụ đứng chánh niệm là đạo Vô gián, sẽ khởi chánh tri là giải thoát. Vô học chuyển căn, có chín vô ngại, chín giải thoát, mới chuyển thành lợi. Đây là vì y theo Tiểu thừa nên lập ra thuyết này.”

Pháp sư Thái nói: “Do căn nhạy bén, nên đối với cõi Dục, khởi pháp thiện căn: Dục, thọ, tưởng, Tâm, tư, văn, tuệ v.v... gọi là tuệ phân biệt của căn nhạy bén.:

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Vì căn cơ chậm lụt này đối với thọ, tưởng. Tâm tư, pháp thiện của cõi Dục, trụ chánh. Niệm, chánh tri, tuệ phân biệt, tức mong cầu ở căn cơ nhạy bén mà e rằng pháp thối lui. Thọ nghĩa là nghĩa lãnh nạp của số thọ, thêm tưởng lạc của pháp thọ dục, nói là cảnh giới của các pháp lấy tượng.

Tâm, tư, nghĩa là thọ, tưởng đều có tâm, tư. Trong tâm, tư này khởi tưởng chánh niệm, biến thành thất niệm, sẽ khởi chánh tri sinh phân biệt tuệ.

Nói tĩnh lự lìa dục có sáu. Như Đối Pháp quyển sáu, nói có mười thứ, khai hợp không đồng.

Vì sao gọi là Tam-ma-địa, cho đến tâm nhậm trì? “

Pháp sư Thái nói: “Tiếng phạm là Tam-ma-địa, Hán dịch là Đăng trì, việc đã được thể hiện, ở bản thức trước, sau giống nhau, gọi là đồng phần, làm cảnh gốc sở tri, sở duyên của tâm định. Tướng phần của tâm định có tất cả cảnh của hình bóng khởi. Lúc “duyên” cảnh này, lìa chìm,

nổi, trụ trì bình đẳng, tâm trụ một cảnh, gọi là đẳng trì”.

Pháp sư Cảnh nói: “Định” “duyên” hình bóng của tướng phần, giống hết bản chất kia, gọi là đồng phần”.

Nói về duyên thối có mười.

Mã thắng, tức luận Câu-xá bản cựu dịch chép: “Hắc, Xỉ tỳ-kheo, tên A-thâu, thật ra, nên nói là A-Thấp-Phước, Hán dịch là Mã-Phạt-Đa, Hán dịch là thắng, Tỳ kheo biện luận nghĩa với Phạm vương. Vì được cung kính nên lui sụt, như ĐỀ-bà-đạt-đa, Thiên Thọ, căn cơ nhạy bén, vì sao thối lui ư?

Pháp sư Thái nói: “Kiến hạnh chưa hẳn nhạy bén; ái hạnh chưa hẳn chậm lụt. Cho nên không thể lấy hạnh kiến, ái để phê phán lợi (nhạy bén) độn (chậm lụt)”

Vì sao biết được lý này? “

Theo Quảng luận rằng: “Nếu người căn cơ nhạy bén, dựa vào không tam-muội, sẽ được nhập kiến đạo. Nếu người căn chậm lụt, thì dựa vào tam-muội vô-nguyện, sẽ nhập kiến đạo, mà luận Phát Tuệ chép: “Người ái hạnh nhập vào kiến đạo, hoặc có thành tựu “không Tam-muội” quá khứ. Người kiến hạnh nhập trong kiến đạo, hoặc có thành tựu Tam-muội vô nguyện trong quá khứ. Do đây, người sắp chứng ái hạnh, kiến hạnh có sáu hạng. Luận sư Trắc Quang nói rằng: “Do y theo bậc Thánh, nói là không lay động, không thối lui. Nếu y theo phàm phu, thì dù là người căn cơ nhạy bén mà có thối lui. Cho nên, Thiên thọ dù là căn cơ nhạy bén, nhưng có thối lui. Cho nên, dù Thiên Thọ với tánh không lay động mà vẫn có thối lui định. Hoặc có người tuổi thọ hết, đến thối lui sinh cõi dưới, như sinh Phạm thiên, có nghiệp không lay động, dẫn dắt đến bản thức, gọi là hạt giống, công năng trong hai mươi kiếp, tăng trưởng, giả gọi là mạng căn. Trong hai chục kiếp mãn, gọi là tuổi thọ hết. Thế có công năng dẫn nghiệp cũng hết, gọi là Nghiệp tận. Lại, có nghiệp cảm y phục, cung điện v.v... kia, gọi là phước. Hai mươi kiếp mãn, thì gọi là là phước hết. Do ba thứ hết, thối lui sinh cõi Dục.

Nói về tấn, thối, nhanh, chậm, tức có bốn người:

Người đầu tiên, dùng phẩm hạ phiền não, phần nhiều nghĩ đến nổi gian khổ, bèn lui sụt định. Vì pháp thiện phẩm hạ, nên thường nghĩ đến nổi gian nan, cay đắng mới nhập định. Hai người giữa rất dễ hiểu.

Người thứ tư, như Quảng Luận nói: “Thiên Thọ lui sụt nhanh chóng, nhập nhanh chóng.

Nói về định xen lẫn, không xen lẫn. Pháp sư Cảnh rằng: “Nói: “Đã lìa dục v.v... đến “mà chuyển”, nghĩa là tâm tán và tâm định xen



lẫn mà chuyển. Hoặc ở vào một thời gian không xen lẫn. Hoặc gặp tiếng “duyên” từ định mà khởi. Niệm đầu, nhĩ thức ở định, nghe tiếng, bấy giờ, ý thức vẫn chưa xuất định.

Nói “tương ứng với định cho đến có thể lấy tiếng này”, nghĩa là ở định nghe tiếng, tự là nhĩ thức, ý thức ở định, nếu “duyên” cảnh định, sẽ không lấy tiếng này.

Nếu không như thế, trở xuống, vấn nạn ngược lại người ngoài: “Nếu nói là ở định nghe tiếng thì nhĩ thức sẽ không thể nghe tiếng, nên nói: “Nếu không như thế”.

Nói: “Đối với âm thanh này, vì không lãnh thọ, thành ra không nên xuất định”, nghĩa là ở định, nếu nhĩ thức không lãnh thọ tiếng, thì không nên do tiếng mà xuất định, trụ. Do nghe tiếng nên xuất định, chẳng phải nhĩ thức kia khi lấy tiếng thì xuất định, nên nói là “chẳng phải khi lấy tiếng, tức là xuất định. Lãnh thọ tiếng rồi, nếu có hy vọng thì thời gian sau mới xuất, nghĩa là ở trong định nhĩ thức lãnh thọ tiếng xong, nếu có tìm kiếm mong cầu thì đây là tiếng nào có hy vọng này mới gọi là xuất định? Nếu người kia đang ở trong định, dù có nghe âm thanh bên ngoài, nhưng ý không xuất định, như Phật, Bồ-tát, thì đây là nhĩ thức một niệm nghe tiếng liền diệt, chỉ có như thế (suất nhĩ), không tìm kiếm, mong cầu và quyết định.”

Hỏi: “Ý thức nối tiếp nhau, dù nghe tiếng mà không xuất định. Hoặc giả tiếng bên ngoài kia nối tiếp nhau vang đến, ở định, nhĩ thức nối tiếp sanh ư”

Vì có sự ngăn ngại này, nên nói thẳng “Pháp nhĩ”, tâm “suất nhĩ” (như thế) của năm thức, một niệm thì diệt.

Nếu tiếng bên ngoài nối tiếp nhau mà đến, nhĩ thức không được nối tiếp nhau mà sinh, thử hỏi khi ở định nghe tiếng, ý thức xuất định, tìm cầu tiếng kia, tất nhiên là vô ký, thì từ đâu xuất định? Cõi Dục chỉ thừa nhận tâm, phương tiện thiện và tâm sinh đắc thiện làm tâm xuất định?”

Đáp: “Ngài Tam Tạng nói: “Trong tông chỉ Đại thừa chấp nhận có nghĩa này, không thể đem luận Tiểu thừa để làm vấn nạn trở ngại.”

Pháp sư Thái nói: “Có người đã được chín vô ngại, chín đạo giải thoát lìa dục. Từ định khởi xong, trụ trong định của đạo Thắng Tấn. Hoặc trong nhất thời, định kia tác ý với tâm tán mà chuyển, hoặc trong nhất thời chỉ định nối tiếp nhau với tâm tán, tức là ở trong định vì gặp tiếng duyên, nên liền xuất định. Đây là nêu chung tông Đại thừa không nói tức là lúc xuất định, ở trong định, tương ứng với định, ý thức đồng

thời nhĩ thức khác liền sinh. Riêng một nhĩ thức “duyên” tiếng bên ngoài, chứ chẳng phải tức là ý thức tương ứng với định kia, hay lấy tiếng này.

Do văn này chứng tỏ ý thức không hẳn cùng với năm thức đồng chấp năm trần. Bộ khác của Tiểu thừa nói: “Nhĩ thức trong định không sinh. Do tiếng dẫn đường, tức là khi xuất định, nhĩ thức mới nghe tiếng”. Nay phá rằng: “

“Nếu không ở trong định, mà nhĩ thức nghe tiếng”

“Nếu vậy, thì đối với âm thanh, vì không lãnh thọ, lẽ ra không nên vì bị tiếng ép ngặt nên xuất định.”

Bộ khác lại nói: “Vì ý thức nhĩ, thức không đều cùng có, nên khi nhĩ thức nghe tiếng, thì ý thức đã xuất định. Vì thế, nên nay phá rằng:

“Chẳng phải khi chấp tiếng tức là xuất định, mà là nhĩ thức đã lãnh thọ tiếng ngay trong định.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Nói chung, phàm phu và Bạc Thánh, sau khi được chín đạo Vô gián, giải thoát rồi, sẽ trụ trong đạo Thắng Tấn. Hoặc một đôi khi tâm đạo Thắng Tấn kia khởi xen lẫn với tâm tán. Tâm tán này hoặc tâm tán này bị cõi Sắc trói buộc, thuộc về văn tuệ, tư tuệ v.v... không như thế thì là văn tuệ, tư tuệ của cõi Dục. Hoặc trong nhất thời, dùng tâm thuần định trụ nơi đạo Thắng Tấn, chẳng phải là đạo Vô gián giải thoát trụ trong đạo Thắng Tấn. Nếu gặp phải “duyên” tiếng cực mạnh bên ngoài, từ định khởi nhĩ thức để “duyên” tiếng ấy, đều cùng lúc chuyển với thức thứ sáu của tâm định. Đây là chỉ nhĩ thức “duyên”, không có thức thứ sáu đồng “duyên” một cảnh với nhĩ thức, cho nên luận rằng: “chẳng phải ý thức tương ứng với định kia, có thể chấp tiếng này. Với nghĩa này, ý nói rằng, trong định nghe tiếng, từ định khởi nhĩ thức “duyên”, đều cùng chuyển với ý thức, nhưng vì ý không đồng “duyên” một cảnh với nhĩ thức, nên nói chẳng phải ý thức tương ứng với định có thể chấp tiếng này.”

Hỏi: “Như kinh giải Thâm Mật chép: “Nếu nhãn thức v.v... khi theo một thức khởi, tất nhiên đều chuyển với ý thức”, sao nhĩ thức khởi riêng ý thức không đồng “duyên”?”

Giải thích: “Vì kinh ấy y theo năm thức trong tâm tán, một khi khởi, thì thường cùng với ngữ, tất nhiên có ý thức.”

Hỏi: “Nếu vậy, Đối Pháp chép quyển bảy : “Sao nói ở trong định, năm thức không có?”, nên giải thích rằng: “Luận ấy y theo lời nói khẳng định không có năm thức. Lại, nếu y theo năm thức ở trong định của cảnh Nhậm vận thì sẽ không khởi, nếu vì cảnh mới tăng thượng hiện ở trước,

thì như văn luận này nói là có nhĩ thức trong định. Theo nghĩa Đại thừa thì chỉ có một cách giải thích này.”

Lại nói: “Trong định hoàn toàn không có năm thức là sai.”

Hỏi: “Như tâm tán y theo tâm định, cũng có năm thức đồng “duyên” với ý thức chăng?”

Đáp: “Không! Vì chấp cảnh sáng suốt rõ ràng, tất nhiên là hiện lượng. Nếu có “duyên” riêng, thì sẽ trái với Luận Tập Lượng v.v...” Cho rằng: năm thức đồng thời với ý thức (ngũ câu ý thức), là lỗi của hiện lượng, vì thức của phần vị tâm tán không bền chắc. Năm thức không khởi thì thôi. Nếu khởi, thì phải đồng khởi, vì không đồng với nghe cảnh mạnh mẽ ở trong định, nên nhĩ thức có thể “duyên” ý thức trụ vững chắc một cảnh cho nên không đồng duyên.”

Luận sư Bị v.v... nói hai giải thích của người phương Tây, như sau:

1. “Bấy giờ nhĩ thức không đồng “duyên” với ý thức, vì ý thức không di chuyển cảnh của định ở trước, thành ra chỉ do nhĩ thức nghe tiếng, rồi dẫn phát niệm kế của ý thức khi xuất định.”

2. “Bấy giờ, ý thức chính đang “duyên” cảnh định, cũng “duyên” cả tiếng.”

Nay, cho rằng, năm thức cũng đồng “duyên” một cảnh với ý thức, chứ chẳng phải Tam-Ma-Hý-Đa Địa.”

Trong Quyết trạch phần có mười hai đoạn lớn, đây là đoạn thứ tư, trong đó, đầu tiên là kết trước, sinh sau, kế là, chánh quyết trạch. Sau, là pháp khác không còn hiện.

Y cứ trong phần Chánh Quyết trạch, trước là nói về mười hai thứ gọi là Địa bất định. Sau nói về mười hai thứ tu là chủ thể đối trị, dứt trừ.

Trong phần đầu, Pháp sư Cảnh nói: “Sáu thể trước là bất định, sáu thể sau, tùy theo nghĩa để nói bất định. Hoặc vì chưa viên mãn, nên gọi là địa bất định, nghĩa là chưa chứng được tác ý của phương tiện rốt ráo. Đã được năm tác ý trước trong định Vị Chí, chưa được thứ sáu, gọi là bất định. Hoặc vì tạp nhiễm, nên gọi là địa Bất định cho đến vị ái của nhiều đời (phần nhiều sinh vị ái), nghĩa là phần thối trong bốn phần định của địa căn bản. Vì, định tịnh xuất nhập với ái, nên gọi là địa Bất định. Hoặc vì định không thanh tịnh, nên không gọi là địa định, nghĩa là chưa dứt hẳn Tùy miên phiền não. Phạm phu hàng phục kiết, được định, do không thanh tịnh, nên gọi là địa bất định”. Pháp sư Thái nói: “Nói hoặc thiếu khinh an, gọi là địa bất định, nói là tâm, tâm pháp của

cõi Dục: Khinh an chỉ tương ứng với tâm định. Tâm tán thiện cõi Dục không có khinh an, chỉ có mười điều thiện cùng chuyển Tâm tán của cõi Sắc, Vô Sắc cũng như thế?”

Nay Giải thích: “Vì các tâm pháp ở cõi Dục, nên không thể nói là so sánh với cõi trên cũng thế.”

Dưới đây, sẽ thuật minh về mười hai thứ tu để làm chủ thể trị, (năng trị). Như thứ lớp, đối trị mười hai sở trị trước, địa hữu tâm là thứ năm trong đoạn lớn. Trước là kết trên sinh dưới. Kế là, chánh quyết trạch. Sau, pháp khác không còn hiện hành.

Theo trong Chánh Quyết Trạch, trước chia ra năm môn; sau, dựa vào môn để giải thích, trong đó chia làm hai:

1) Nói về đạo lý thế tục, chỉ cho như ý địa, nghĩa là chưa lập Lại-da trở xuống, chỉ năm sáu thức, gọi là y thế tục. Lập đủ tám thức, gọi là y thắng nghĩa. Hoặc y theo môn thế tục, lập ra tám thức, gọi là có thể tánh. Dựa vào một thể tám thức của môn thắng nghĩa, vì không lìa nhau.

2) Nói về lý thắng nghĩa, trong đó, trước nhắc lại chương, thừa nhận thuyết. Sau, là gạn hỏi, giải thích riêng.

Trong giải thích riêng, y theo lý thắng nghĩa, nhằm nói về ba môn. Ban đầu, nói về sở y (Đối tượng nương tựa) “năng y” (chủ thể nương tựa), trước, nêu pháp dụ để nói. Sau, là tổng kết.

Trong phần trước, Pháp sư Thái nói: “Theo thứ lớp bảy thức, như Mạt-Na Ý thứ nhất, là đối tượng nương tựa cho ý thức thứ sáu. Dựa vào ý thức khởi, gọi là ý thức, thức là thứ bảy, đều làm chuyển thức, nghĩa là vì “duyên” cảnh khởi, diệt, lậu, phược không nhất định.”

Nay, giải thích: ‘Cũng có thể ở đây y theo Mạt-na, gọi là ý thức. Thí dụ nước, sóng, nghĩa là như Lăng-già và luận v.v... của Bồ-tát Mã Minh.

Về thí dụ: Gương soi, chình bóng, như Thâm Mật v.v....

Tuy nhiên, với hai thí dụ này, như quyển năm mươi một nói: “Vì Thắng nghĩa đế, nên tám thức có một thể (như sóng không lìa nước. Cũng vì Tục đế, nên tám thức đều riêng. Vì tác dụng của sóng khác với nước). Như nghĩa của Nhiếp Luận sư, dùng văn này làm chứng.”

Kế là, nói về môn “câu hữu” (cùng có), trong đó:

- 1- Nói về tâm, ý, thức.
- 2- Nói về tướng Câu hữu.
- 3- Giải thích về Kiết đã khởi trở lại.

Đầu tiên nói: “Các thức trong đây đều gọi là tâm, ý, thức: Đây là

y theo môn chung. Vì tám thức đều có nghĩa tập khởi, nên được gọi là tâm tư duy, so lường, gọi là ý liễu biệt, gọi là thức (không giải thích tên riêng: Tâm, ý, thức).

Nói: “Không thể biết cảnh khí thế gian của một loại”. Pháp sư Thái nói: “Có hai nghĩa:

1. Nói Theo thật lý thì mỗi niệm đều khởi, diệt theo bản thức, mà một loại nối tiếp nhau tương tự, nhưng không đồng với báo trong, khởi diệt rất dễ hiểu.

2. Bản thức của mọi người: Đã thể hiện đều khác nhau, giống như các ngọn đèn tỏa ra ánh sáng đều khác mà đồng ở một chỗ, một loại khác nhau khó biết, không đồng với bản thức của báo trong hiện ở trước khác biệt rất dễ biết.

Mạt-na, gọi là ý chấp ngã, ngã sở v.v.... Pháp sư Cảnh nói: “Mạt-na chỉ chấp ở ngã, không có hạnh giải riêng, chấp đối với ngã sở nhưng khi chấp ngã, cho rằng cái ngã này là nghĩa ngã của nhà ngã, gọi là ngã sở của ngã, cũng có thể Mạt-na chấp chung tâm vương, tâm sở của A-lại-da dùng làm ngã. Chấp ngã bên cạnh của Tâm vương, nói là chấp ngã, chấp nghĩa bên pháp cạnh tâm sở, gọi là “ngã sở”.

Luận Duy Thức nêu bốn giải thích. Giải thích thứ tư, nghĩa thích đáng của Ngài Hộ Pháp: “Nói là ngã, ngã sở không có đối tượng chấp riêng. Y cứ trong phần nói về tướng “câu hữu”. 1/ Nói về thức đều chuyển biến. 2/ Hỏi, đáp để nói về danh nghĩa Mạt-na. Sau giải thích về Thọ đều chuyển tướng.

Ban đầu nói: “Ba thứ như thế đến “Tám thức đều chuyển”: đây chính là nói đều cùng chuyển nhiều ít.

Lại: “Một ý thức cho đến “không thể nghĩ bàn”, nghĩa là y cứ riêng ý thức, để nói về tướng mạo chấp cảnh. Luận sư Trắc nói: “không thể nói nhất định rằng, năm thức cùng khởi với đối tượng duyên của ý thức, tất nhiên là sáu cảnh. Cho nên, ở trước nói: “Nhĩ thức trong định “duyên” tiếng, ý thức không “duyên” tiếng”. Nay y theo Duy thức, đây là nói phi lý. Kế là nói về danh nghĩa của mạt-na.

Hỏi: Nếu Mạt-na kia cho đến “kiến lập thế nào?” ý hỏi: “ Ý giải thích ở trước rằng: “Bốn “hoặc” tương ứng với tư duy so lường tướng của ngã “là ý đó”. Nghĩa là Mạt-na xuất thế đã không có bốn “hoặc”. Vì không có phân biệt lại không có tư duy so lường đối với ngã, sao gọi là ý?”

Đáp: “Vì gọi là giả đặt ra, chẳng phải là “nghĩa như ” Pháp sư Cảnh nói: “Ý đáp rằng Các pháp được đặt tên, chỉ giả lập bày, chưa

hắn “như danh”, tức có nghĩa ấy. Do nghĩa này, nên Mạt-na xuất thế dù chẳng phải tư lương (tư duy so lường) mà vẫn được gọi là ý. Lại, Mạt-na nhiễm có tư lương nhiễm. Mạt-na thanh tịnh có tư lương thanh tịnh.”

Pháp sư Thái nói: “Do chủ thể sinh ý thức, giả đặt ra gọi là ý, không hẳn là “nghĩa như có tư lương gọi là ý. Lại, đối trị ý kia, vì chánh tư duy so lường, xa lìa điên đảo, cho nên bình đẳng”. Pháp sư Cảnh nói: “Ở đây lại giải thích lại Mạt-na xuất thế vì lìa điên đảo, vì chánh tư duy so lường cũng được gọi là ý.”

Nói: “Tức Mạt-na này gìn giữ ý thức, khiến phân biệt chuyển, cho nên nói là đối tượng nương tựa của ý thức. Đây là giải thích riêng ý nghĩa của Mạt-na ý nhiễm.”

Pháp sư Thái nói: “Lúc đối trị khởi, đối trị Mạt-na kia, xa lìa sự điên đảo của ngã kiến v.v..., nên chánh tư duy so lường tương ứng với hai mươi một pháp làm tánh. Dù chẳng phải tư duy so lường ngã, vẫn có thể tư duy so lường vô ngã, nên cũng được gọi là ý, gìn giữ ý thức không có nhiễm khiến cho phân biệt chuyển.

Nếu đối trị nhân không, thì khởi xa lìa điên đảo phi lý. Khi Trí “nhân không” chưa khởi, vì Mạt-na chấp nhân thường nối nhau, nên biết được rằng, đối trị “pháp không” của Sơ địa khi chưa khởi, thì Mạt-na chấp pháp thường tiếp nối nhau. Do chứng lý này, mà xa lìa bốn “hoặc” “chấp người” trong quán vô lậu, vô ngã. Tuy nhiên bốn” tương ứng với “pháp chấp”, tư duy, so lường pháp, ngã, vì không có nhiễm nhân ngã, nên cũng gọi là không có nhiễm, nhưng vẫn có pháp chấp bị nhiễm là có nhiễm. Đối với nhị thừa, thì chẳng phải nhiễm ô vô minh, nhưng với Bồ-tát là nhiễm vô minh, vì với “hoặc” vô minh đều có. (Câu sinh vô minh hoặc), nên “nhân không” vô lậu tạo nên nhân vô ngã giải là vô lậu. Dù chưa chứng pháp không, nhưng vì không phân biệt, xét nghĩ các pháp có tánh nhất định, nên chẳng phải “pháp chấp”. Dưới đây, là nói về tướng cùng chuyển của Thọ:

Nói: “Lại, các chuyển thức cho đến “đều cùng có mà chuyển”; hoặc có sáu chuyển thức đều cùng sinh ra lạc thọ (dùng ba thọ để giải thích nghĩa): Địa Hỷ thọ cũng gọi là Lạc.

Nói: “Ba thọ khác do tư duy dẫn phát, chứ chẳng phải “câu sinh”, nghĩa là ba thọ của sáu thức phần nhiều đợi tác ý dẫn phát, chẳng phải nhậm vận sinh.

Dưới đây, là nói về kiến lập nhiễm, tịnh. Pháp sư Cảnh nói: “Trong luận này, nói rộng về Mạt-na có rất nhiều nghĩa, ở chỗ khác, phân biệt không bằng ở đây.”

Luận Hiển Dương chép văn ở chỗ này là chung một bài tụng. Ở chỗ khác phân biệt:

1. Nói cùng với bốn phiền não nhậm vận thường hiện hành, nghĩa là không tương ứng với thức khác, nên gọi là bất cộng. Như mười tám pháp bất cộng, vì không chung với Nhị thừa, nên gọi là bất cộng. Lại, vì thường hiện hành không đồng với thức khác để khởi vô minh, nên gọi là bất cộng.

2. Nói về bốn “hoặc” của Mạt-na và ba tánh, sáu thức đều khởi mà không trái nhau.

3. Chỉ ẩn một vô ký (hữu phú vô ký).

4. Chỉ nhậm vận khởi.

Nói “Phải biết rằng, các phân biệt khác đã khởi, là tùy theo năng lực của các duyên khác nhau mà chuyển, nghĩa là năm thức do Tập khởi đã lâu, nên không dùng công, gọi là nhậm vận. Trái lại, nếu do ý thức vận dụng phương tiện dẫn sinh thì gọi là không nhậm vận. Ý thức có cả hai. Nếu đối với Mạt-na thì gọi là phân biệt, vì năm thức kia, căn, cảnh riêng, phải do tác ý mới sinh khởi, còn Mạt-na chỉ từ hạt giống của nó, không đợi căn, cảnh, tác ý khác nhau.

5. Nói về đạo đối trị của thế gian, không thể gây tổn hại, hàng phục “hoặc”, vì người đã lìa dục mà vẫn còn hiện hành.

6. Nói Mạt-na tùy theo xứ tự sinh, tức là hệ thuộc Địa này. Người đã lìa dục, mà phiền não của địa này vẫn hiện hành không dứt.

Dưới đây, là giải thích về lý do vì sao? Vì Mạt-na chỉ chung hạt giống dẫn phát, nên nhậm vận thường sinh.

Nói: “Chẳng phải bị đối trị cho đến “Vì chuyển biến khác nhau”. Nghĩa là nói về thức Mạt-na không đồng đối tượng trị với squ thức, vì phải đợi căn, cảnh thì duyên lực, tác ý, mới sinh, cũng không đồng với Thánh đạo, chủ thể kia, vì phải chờ sức kiến giải thì cảnh chân như mới khởi.

Do lý này, nên đạo đối trị của thế gian hoặc khởi, không khởi công dụng, “hoặc” này vẫn thường hiện hành.

7. Nói về lúc Thánh đạo khởi, trái nhau, không khởi: Hễ Thánh đạo hữu học khởi, thì “hoặc” này không khởi. Đến khi xuất Thánh đạo rồi, “hoặc” này khởi trở lại. Luận Đối Pháp cũng nói: “Ba chỗ Mạt-na không hiện hành:

1. Khởi Thánh đạo.

2. Nhập diệt định.

3. Ở vô học.



Hỏi: “Trong văn chỉ nói lìa dục của Phi tướng, dứt ngay trong một lúc, chẳng phải như “hoặc” khác dứt dần, sao lại phán quyết khẳng định rằng, với phẩm “hoặc” thứ chín của Phi tướng dứt trừ ngay trong nhất thời?”

Giải thích: “Văn kia giả thiết với phẩm “hoặc” thứ nhất của Phi tướng được dứt ngay trong một lúc, không đến phẩm thứ chín, nghĩa là tám phẩm “hoặc” còn lại, tức sẽ không có lỗi căn nhiễm ô sinh. Người này đã dứt phẩm đầu của Phi tướng rồi, tức là xuất Thánh đạo. Bây giờ, Mạt-na tức không hiện hành?

“Vì sao chỉ nói Vô học không hiện hành ? Trong khi Mạt-na lẽ ra có bốn chỗ không hiện hành?

Trên nói, nếu Mạt-na có phần vị tâm, nếu không có thức thường hiện hành thì y theo Mạt-na chấp pháp để biện luận.

Vì khéo thông suốt, nghĩa là giải thích lý do không hiện hành: Vì Thánh đạo có cả chân như vô ngã, cho nên, Mạt-na, chấp ngã không khởi, vì chưa dứt hẳn hoặc, nghĩa là giải thích nghĩa khởi trở lại. Do chưa dứt trừ hạt giống khi Thánh đạo xuất hiện, “hoặc” này khởi trở lại. Vô học không hiện hành, vì đã dứt trừ hạt giống.

8. Nói về chỗ dứt trừ. “hoặc” này nhỏ nhiệm, đạo đối trị của Kim cương dứt trừ ngay trong một lúc. Pháp sư Thái nói: “Nói vô minh bất cộng, ngài Hộ Nguyệt giải thích rằng: “Vì sáu thức “duyên” cảnh ngoài sáng suốt, rõ ràng; nên kiến ái v.v... sáng suốt, rõ ràng, mạnh mẽ. Sức vô minh yếu ớt, tùy kiến, ái khởi, tương ứng vô minh, cảnh không sáng suốt rõ ràng của duyên trong Mạt-na, sức vô minh mạnh, kiến, ái, mạn yếu. Tác dụng của sức vô minh vượt hơn ba “hoặc” còn lại, gọi là bất cộng. Nói theo thật lý, thì kiến, ái, mạn, v.v.. lẽ ra là nên gọi là tương ứng, chỉ vì Tiểu thừa lập hai vô minh bất cộng, tương ứng trong hai vô minh, nên nói là bất cộng trong vô minh, không nói tên tương ứng trong kiến, ái, mạn.”

Luận sư Giới Hiền giải thích: “Vô minh Mạt-na với tâm của ba tánh; sáu thức thì không như thế; vì không chung với sáu thức, nên gọi là Bất cộng.”

Trong Thích Luận, dẫn mười tám pháp bất cộng để giải thích. Vì không chung với Nhị thừa, nên gọi là vô minh không chung với sáu thức, cũng không chung với vô minh của Mạt-na, nên được gọi là Bất cộng.

Mười tám pháp Bất cộng không chung với Nhị thừa, nhưng về đức thì đều hiện hành với đồng loại. Vô minh của Mạt-na cũng thế. Không

chung với vô minh của sáu thức, gọi là Bất cộng. Nhưng kiến, ái, sử v.v... của tự loại, đều cùng hiện hành, không đồng với giải thích của Tiểu thừa: không hiện hành chung với sử, gọi là bất cộng.

Theo Thích Luận dẫn mười tám pháp Bất cộng để giải thích, thì chỉ có thể gọi là vô minh bất cộng, không nên được gọi là Độc hành vô minh. Kiến, ái, mạn v.v... của Mạt-na cũng không chung với sáu thức; lẽ ra gọi là bất cộng, cũng không trái. Trong Tiểu thừa đặt hai tên bất cộng, tương ứng. Nay, nói không chung trong vô minh, không nói trong kiến, ái.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Nếu tất cả hạt giống này của bậc Vô học đều không hiện hành v.v..., nghĩa là về nhân chấp, pháp chấp trong đây, có hai giải thích:

Ngài Hộ Nguyệt nói: “Mạt-na chỉ có nhân chấp, quán vô lậu của nhị thừa chỉ có thức thứ tám; thức thứ bảy hoàn toàn không có.”

Luận sư Giới Hiền nói: “Pháp chấp cũng có, đây là y theo pháp bị che chướng, tức chỉ vì nhân chấp, nên nói không hiện hành, chứ chẳng phải pháp chấp cũng diệt. Như Luận Phật Địa nói: “Vì một loại này không có thô, tế, nên dứt trừ ngay trong một lúc, vì không che lấp đạo đối trị của Hữu học, cho nên, tâm Kim cương dứt trừ địa vô tâm là đoạn thứ sáu. Đầu tiên là, kết trước, sinh sau. Kế là Chánh Quyết Trạch; sau kết không hiện hành.

Theo Chánh Quyết Trạch, nói về nhân của không sinh tâm có bảy thứ. Sau nói trái với bảy nhân này, tâm được sinh.

Trong phần trước, trước là hỏi, đáp, nêu lên, sau là theo thứ lớp giải thích.

Hỏi: “Trong “duyên” thiếu, ý căn sao gọi là hoại?”

Đáp: “Như người bị bệnh, ý căn yếu kém, không thể sinh thức. Trong giải thích do vì chưa được, nên tâm không sinh, đầu tiên lấy cõi Dục đối với sơ định để nói; kế là, Thất Địa sau đối nhau để nói. Sau, sinh tử, Niết-bàn đối nhau, để nói.

Về nghĩa của hai “lại nữa” ở trước chung cho luận Tiểu thừa. Một lần “lại nữa” sau, cuộc hạn ở Đại thừa. Vẫn còn lại rất dễ hiểu.

